

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày 20-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hoạt.

Ông Đàm Văn Sự.

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quang Toàn, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn N G**, tên gọi khác: không, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1988 tại huyện Q, tỉnh C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn T, huyện Q, tỉnh C; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hoá: lớp 6/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm 1962 và bà Nguyễn T, sinh năm 1964; có vợ là Lê N, sinh năm 1993 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 30-11-2022 đến ngày 15/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Bảo lãnh, hiện đang tại ngoại ở nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng: Ngô A T, sinh năm 1986, nơi cư trú: Tổ dân phố Hưng Long, thị trấn T, huyện Q, tỉnh C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ ngày 30 tháng 11 năm 2022, tổ công tác của Công an huyện T, tỉnh C đang thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực Km 72+ 500, Quốc lộ 4A thuộc địa phận thôn Nà Tục, xã Đức Xuân, huyện T phát hiện 01 xe ô tô nhãn hiệu

Vinfast màu trắng, biển kiểm soát 30H-059.26 đang di chuyển theo hướng C - L có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác yêu cầu dừng xe để kiểm tra phát hiện trên xe có 03 người, trong đó có một người Tr Q tên là Hoàng H, sinh năm 1997, trú tại huyện Bắc Bạch, thành phố Ngọc Lâm, khu tự trị dân tộc C, tỉnh Q, Tr Q không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định, lái xe là Ngô A T, sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố Hưng Long, thị trấn T, huyện Q, tỉnh C, người đi cùng là Nguyễn N G, sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn T, huyện Q, tỉnh C. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng phương tiện về trụ sở để làm việc. Ngoài ra, còn tạm giữ 01 xe ô tô, 03 điện thoại di động và một số giấy tờ tùy thân.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng ngày 25, 26-11-2022, Nguyễn N G được Phạm M H, sinh năm 1985, trú tại 37 Sơn Tây, phường K, quận B, Thành phố H, có tài khoản Wechat “H con - FanVn” là người mà G quen biết từ trước trong quá trình làm ăn với nhau gọi điện thoại thuê đón một người Tr Q từ C đưa đến H N, H nói với G người Tr Q có giấy tờ nhập cảnh thì G đồng ý. Đến chiều ngày 29-11-2022, G rủ T đi H N xem bóng đá T đã đồng ý, đồng thời G thông báo cho H biết để đón người Tr Q, H nói người Tr Q chưa xong việc khi nào xong sẽ báo.

Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 30-11-2022, H thông báo cho G đến ngã ba thị trấn Q, huyện Q đón người Tr Q, sau đó G gọi cho T lấy xe ô tô của T rồi cùng nhau đến ngã ba thị trấn Q, đường rẽ đi huyện T và huyện H đón được một người Tr Q cách ngã ba khoảng 200 - 300 mét, khi người Tr Q lên xe G hỏi hộ chiếu thì người này giơ hộ chiếu cho G xem, đón được người G gọi điện thoại cho H để xác nhận, sau đó T điều khiển xe chở người Tr Q về nhà G đổi xe của G để đi H N. Trên đường từ địa điểm đón người Tr Q về nhà G, H chuyển vào tài khoản của G số tiền 325.000.000 đồng (ba trăm hai mươi năm triệu đồng), về đến nhà trong lúc T đang đổi xe thì G gọi điện thoại cho H hỏi về số tiền H vừa chuyển thì H nói tiền trả nợ là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), còn 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) là tiền trả công cho G đưa người Tr Q về H N, thấy nghi ngờ nên G hỏi lại thì H nói người Tr Q không có giấy tờ hợp pháp, cứ đưa xuống H N thì H sẽ cho G thêm một khoản nữa, từ thời điểm này G biết người Tr Q là người nhập cảnh trái phép nhưng G không nói cho T biết. Khi G, T đưa người Tr Q đến khu vực Km 72 + 500, Quốc lộ 4A thuộc địa phận thôn Nà Tục, xã Đức Xuân, huyện T, tỉnh C thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, thấy việc trả một số tài sản đã tạm giữ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 15-12-2022 và ngày 05-01-2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Fold4 màu xanh, đã qua sử dụng cho Nguyễn N G và 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST LUXSA 2.0, màu trắng, biển kiểm soát 30H - 059.26 cho Nguyễn T, sinh năm 1964, trú tại tổ dân phố Tân Thịnh, thị trấn T, huyện Q, tỉnh C là mẹ của Nguyễn N G.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn N G đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ngày 22-3-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C đã ra Cáo trạng số: 25/CT-VKSCB-P1 truy tố Nguyễn N G về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn N G về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn N G về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn N G phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn N G từ 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 - 30 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note+; tịch thu số tiền thu lợi bất chính 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn N G không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn N G mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn N G và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn N G hoàn toàn phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 05 giờ ngày 30-11-2022 của Công an huyện T, tỉnh C đối với Nguyễn N G; Bản tự khai; biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung, Biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên về quá trình thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản mở niêm phong, trích xuất tài liệu, dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note10+ tạm giữ của Nguyễn N G; phù hợp với lời khai của người làm chứng Ngô A T và công dân Tr Q Hoàng H

là người được G, T đón tại ngã ba thị trấn Q, đường rẽ đi huyện T và huyện H, tỉnh C để đưa đến H N, công văn trả lời của Ngân hàng Techcombank về thông tin tài khoản của Nguyễn N G, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận:

Khoảng ngày 25, 26-11-2022, Nguyễn N G được Phạm M H thuê đón một người Tr Q tên là Hoàng H từ C về H N, khoảng 02 giờ sáng ngày 30-11-2022 G đi đón người Tr Q tại một địa điểm gần ngã ba thị trấn Q, huyện Q đi huyện T và huyện H. Trên đường từ nơi đón người Tr Q về nhà G, Phạm M H chuyển cho G 25.000.000 đồng tiền công. Lúc này G biết người Tr Q nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, nhưng không nói cho T biết. Khi G đưa người Tr Q đến khu vực Km 72 + 500, Quốc lộ 4A thuộc địa phận thôn Nà Tục, xã Đức Xuân, huyện T, tỉnh C thì bị lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của Nguyễn N G đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, làm gia tăng khả năng xảy ra các tội phạm do người nước ngoài nhập cảnh trái phép thực hiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn N G có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón và đưa người nhập cảnh trái phép từ C đến H N để hưởng tiền công. Hành vi tổ chức cho 01 người Tr Q nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, hưởng lợi bất chính số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) của bị cáo Nguyễn N G đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn N G về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn N G có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo đã tự nguyện nộp lại 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”

hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”, Hội đồng xét xử thấy số tiền bị cáo G được hưởng lợi đã tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội thì tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note10+ tạm giữ của Nguyễn N G là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn N G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Mạnh H là người thuê G đón người Tr Q nhập cảnh trái phép, quá trình điều tra H không có mặt tại địa phương. Hiện nay cơ quan điều tra vẫn đang tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác.

Đối với Ngô A T là người lái xe cho G đón người Tr Q nhập cảnh trái phép, quá trình điều tra xác định T chỉ được G nhờ giúp lái xe, không biết là người Tr Q nhập cảnh trái phép và không được hứa hẹn trả tiền công nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T.

Đối với công dân Tr Q Hoàng H nhập cảnh trái phép, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C đã ra quyết định xử phạt hành chính và đẩy đuổi về nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn N G** phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn N G 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20-4-2023. Giao bị cáo Nguyễn N G cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước*: Số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi năm triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội. Xác nhận bị cáo G đã nộp 25.200.000 đồng (hai mươi năm triệu hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền số 0005030 ngày 12-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C, số tiền này dùng để thi hành án khoản tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự.

- *Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước*:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại di động của bị can Nguyễn N G (nhãn hiệu SAMSUNG)”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh C tại Biên bản giao nhận vật chứng số 97 ngày 11 tháng 4 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn N G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn N G có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại H N;
- VKSND tỉnh;
- Phòng ANĐCA tỉnh;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Phòng PC10 CA tỉnh;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA; Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân